

Số: 207/TB-PGDĐT

Cù Lao Dung, ngày 25 tháng 5 năm 2020

THÔNG BÁO

Về việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III đối với giáo viên mầm non, tiểu học thuộc ngành giáo dục và đào tạo tỉnh Sóc Trăng năm 2020

Căn cứ Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 10/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (CDNN) từ hạng IV lên hạng III đối với giáo viên mầm non, tiểu học thuộc ngành giáo dục và đào tạo tỉnh Sóc Trăng năm 2020; Công văn số 700/UBND-TH ngày 06/5/2020 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc điều chỉnh nội dung số 45/KH-UBND ngày 10/4/2020 của UBND tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Thông báo số 829/TB.HĐ-XTH ngày 21/5/2020 của Hội đồng xét thăng hạng CDNN từ hạng IV lên hạng III đối với giáo viên năm 2020 của tỉnh Sóc Trăng,

Phòng Giáo dục và Đào tạo thông báo nội dung xét thăng hạng CDNN từ hạng IV lên hạng III đối với giáo viên mầm non, tiểu học thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sóc Trăng năm 2020, như sau:

A. Quy định về đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện, thành phần hồ sơ, nội dung, hình thức xét thăng hạng, miễn xét trình độ ngoại ngữ, tin học, cách tính điểm hồ sơ và điểm sát hạch, nguyên tắc xác định người được thăng hạng CDNN của kỳ xét thăng hạng CDNN từ hạng IV lên hạng III đối với giáo viên mầm non, tiểu học thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sóc Trăng năm 2020 được thực hiện theo Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 10/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

B. Thời gian nhận hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng

I. Các đơn vị trường lập danh sách theo **mẫu số 6** đối với giáo viên có tên theo Đề án số 01/ĐA-UBND và gửi kèm hồ sơ viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng về Phòng Giáo dục và Đào tạo kể từ ngày thông báo **đến hết ngày 05/6/2020**;

II. Các đơn vị trường có thể xem xét bổ sung danh sách giáo viên xét thăng hạng không có tên trong Đề án số 01/ĐA-UBND nhưng có nhu cầu xét thăng hạng và có đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng mầm non, tiểu học năm 2020 thì đơn vị gửi tổng hợp danh sách theo **mẫu số 7** (*tạm thời chưa thu hồ sơ xét thăng hạng*) gửi về Phòng Giáo dục và Đào tạo **trước ngày 28/5/2020**, Phòng Giáo dục và Đào tạo tổng hợp gửi danh sách về Hội đồng xét thăng hạng CDNN, Sở Giáo dục và Đào tạo xem xét, xin ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung, điều chỉnh danh sách dự xét thăng hạng theo Đề án số 01/ĐA-UBND. Sau đó sẽ có thông báo, hướng dẫn cụ thể (nếu được bổ sung) đối với các trường hợp này.

III. Hướng dẫn chi tiết một số nội dung về hồ sơ đăng ký xét thăng hạng quy định tại Mục IV Kế hoạch số 45/KH-UBND như sau:

1. Đơn đăng ký dự xét thăng hạng CDNN theo **Mẫu số 1**.

2. Bản sơ yếu lý lịch của viên chức theo **Mẫu số 2** ban hành kèm theo Thông tư số 12/2012/TT-BNV, có xác nhận của cơ quan sử dụng hoặc quản lý viên chức.

3. Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ quan sử dụng viên chức đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 03 (ba) năm học liên tục tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ dự xét (năm học 2016-2017; 2017-2018; 2018-2019); nhận xét về phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; xác định cụ thể về việc có hoặc không trong thời gian bị thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét xử lý kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền theo **mẫu số 3** và kèm theo bản pho to đánh giá xếp loại từ năm 2017 đến 2019 theo Nghị định số 56/2015/NĐ-CP.

4. Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN đăng ký dự xét được cơ quan có thẩm quyền chứng thực (*Lưu ý: Chứng chỉ tiếng nước ngoài phải có dịch thuật được cơ quan có thẩm quyền chứng thực*); các yêu cầu khác theo quy định về tiêu chuẩn của hạng CDNN mà viên chức dự xét thăng hạng.

5. Các minh chứng theo tiêu chuẩn CDNN của hạng giáo viên quy định tại gạch đầu dòng 6 Mục IV Kế hoạch số 45/KH-UBND:

* Đối với giáo viên dự xét thăng hạng lên CDNN - Giáo viên mầm non (hạng III):

1. Nhiệm vụ (5 điểm)

Bao gồm bản nhận xét của đại diện ban giám hiệu, tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường có xác nhận của hiệu trưởng hoặc các minh chứng (nếu có) dự báo về khả năng thực hiện được các nhiệm vụ của hạng III (**theo mẫu số 4A_GV; 4A_TTCM; 4A_BGH**)

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)

Bao gồm các minh chứng được quy định dưới đây và các minh chứng khác (nếu có) để tính điểm tăng thêm (**được quy định tại Khoản 3, 4 Mục VII Kế hoạch số 45/KH-UBND**):

a) Bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm mầm non trở lên (5 điểm).

b) Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ **bậc 2** theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GDĐT ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc (*Lưu ý: thực hiện theo Công văn số 250/SGDDĐT-TCCB ngày 14/02/2020 của Sở GDĐT tỉnh Sóc Trăng về quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ trong công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; không chấp nhận Giấy chứng nhận tiếng dân tộc*) (5 điểm).

Đối với giáo viên dạy ngoại ngữ thì trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GDĐT ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (**bao gồm: Pháp, Nga,**

Đức, Trung Quốc, Hàn Quốc...).

c) Chứng chỉ trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (**Lưu ý: các chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C đã cấp có giá trị sử dụng tương đương với chứng chỉ ứng dụng CNTT Cơ bản**) (5 điểm);

d) Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên tiểu học hạng III (5 điểm).

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)

Bao gồm các minh chứng được quy định dưới đây và các minh chứng khác (nếu có) để tính điểm tăng thêm (**được quy định tại Khoản 3, 4 Mục VII Kế hoạch số 45/KH-UBND**):

a) Biên bản ghi ý kiến của đại diện ban giám hiệu, tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường nhận xét, đánh giá từng tiêu chí có xác nhận của hiệu trưởng và các minh chứng (nếu có) như các sản phẩm nghiên cứu, bài soạn, tài liệu liên quan về các nội dung sau: (55 điểm) (**theo mẫu số Mẫu 4B_GV; 4B_TTCM; 4B_BGH**)

b) Giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi cấp trường trở lên (15 điểm);

c) Quyết định tuyển dụng, Quyết định bổ nhiệm vào hạng lần đầu (trước đây là ngạch, công nhận hết tập sự), Quyết định bổ nhiệm vào CDNN giáo viên mầm non hạng IV-mã số V.07.02.06, Quyết định lương hiện hưởng hoặc các minh chứng khác để xác nhận thời gian giữ CDNN hạng IV hoặc tương đương từ đủ 03 (ba) năm trở lên, trong đó thời gian gần nhất giữ CDNN giáo viên mầm non hạng IV - mã số V.07.02.06 từ đủ 01 (một) năm và tốt nghiệp cao đẳng sư phạm mầm non trước khi xét thăng hạng từ đủ 01 (một) năm trở lên (5 điểm).

* Đối với giáo viên dự xét thăng hạng lên CDNN - Giáo viên tiểu học (hạng III):

1. Nhiệm vụ (5 điểm)

Bao gồm bản nhận xét của đại diện ban giám hiệu, các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường có xác nhận của hiệu trưởng và các minh chứng (nếu có) dự báo về khả năng thực hiện được các nhiệm vụ của hạng III (**theo mẫu số 5A_GV, 5A_TTCM, 5A_BGH**)

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)

Bao gồm các minh chứng được quy định dưới đây và các minh chứng khác (nếu có) để tính điểm tăng thêm (**được quy định tại Khoản 3, 4 Mục VII Kế hoạch số 45/KH-UBND**):

a) Bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm tiểu học hoặc cao đẳng sư phạm các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên (5 điểm).

b) Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ **bậc 2** theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GDĐT ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc (**Lưu ý: thực hiện theo Công văn số 250/SGDDĐT-TCCB ngày**

14/02/2020 của Sở GDĐT tỉnh Sóc Trăng về quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ trong công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; không chấp nhận Giấy chứng nhận tiếng dân tộc) (5 điểm).

Đối với giáo viên dạy ngoại ngữ thì trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GDĐT ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (**bao gồm: Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc, Hàn Quốc...**).

c) Chứng chỉ trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (**Lưu ý: các chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C đã cấp có giá trị sử dụng tương đương với chứng chỉ ứng dụng CNTT Cơ bản**) (5 điểm);

d) Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên tiểu học hạng III (5 điểm).

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)

Bao gồm các minh chứng được quy định dưới đây và các minh chứng khác (nếu có) để tính điểm tăng thêm (**được quy định tại Khoản 3, 4 Mục VII Kế hoạch số 45/KH-UBND**):

a) Biên bản ghi ý kiến của đại diện ban giám hiệu, các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường nhận xét, đánh giá từng tiêu chí có xác nhận của hiệu trưởng và các minh chứng (nếu có) như các sản phẩm nghiên cứu, bài soạn, tài liệu liên quan về các nội dung sau: (55 điểm) (**theo mẫu số 5B_GV, 5B_TTCM, 5B_BGH**)

b) Giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm giỏi hoặc tổng phụ trách đội giỏi cấp trường trở lên (15 điểm);

c) Quyết định tuyển dụng, Quyết định bổ nhiệm vào hạng lần đầu (trước đây là ngạch, công nhận hết tập sự), Quyết định bổ nhiệm vào CDNN giáo viên tiểu học hạng IV-mã số V.07.03.09, Quyết định lương hiện hưởng hoặc các minh chứng khác để xác nhận thời gian giữ CDNN hạng IV hoặc tương đương từ đủ 03 (ba) năm trở lên, trong đó thời gian gần nhất giữ CDNN giáo viên tiểu học hạng IV-mã số V.07.03.09 từ đủ 01 (một) năm và tốt nghiệp cao đẳng sư phạm trước khi xét thăng hạng từ đủ 01 (một) năm trở lên (5 điểm).

Lưu ý: Hồ sơ đăng ký gồm: **02** bộ hồ sơ dự xét của mỗi giáo viên được bỏ vào một bì đựng riêng có kích thước 250 x 340 x 5 mm theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 06/2007/QĐ-BNV ngày 18/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành thành phần sơ cán bộ, công chức; bên ngoài bì đựng hồ sơ ghi rõ thành phần hồ sơ, số điện thoại liên hệ và sắp xếp thành phần hồ sơ dự xét theo đúng trình tự nêu trên (**có hướng dẫn sắp xếp hồ sơ kèm theo**).

6. Hiệu trưởng các đơn vị trường chịu trách nhiệm về đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn của viên chức dự xét thăng hạng và tính xác thực của các loại hồ sơ và phải chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu như hồ sơ có sai sót và không đúng sự thật; Gửi văn bản, danh sách theo mẫu số 6, mẫu số 7 (nếu có) và gửi hồ sơ về Phòng Giáo dục và Đào

tạo **đến hết ngày 05/6/2020**. Quá thời gian nêu trên, đơn vị nào không gửi danh sách, hồ sơ xem như không dự xét thăng hạng CDNN năm 2020.

Thông báo này được niêm yết tại Phòng Giáo dục và Đào tạo và được đăng tải trên Trang thông tin điện tử Phòng Giáo dục và Đào tạo tại website: <https://pgdculaodung.edu.vn/>.

Nơi nhận:

- Các đơn vị trường MN, TH;
- Website Phòng GDĐT;
- Lưu VT.

TRƯỞNG PHÒNG

Lâm Văn Nam